

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2025
của Khối Đảng tỉnh**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 1539/2017/TT-BTC, ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính quy định chi tiết về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Quy định số 3869-QĐ/VPTW, ngày 21/6/2019 của Văn phòng Trung ương Đảng về công khai dự toán và quyết toán ngân sách nhà nước và tình hình quản lý, sử dụng vốn, tài sản, các quỹ tại các cơ quan, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1490-QĐ/TU, ngày 30/12/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 cho các cơ quan, đơn vị dự toán trực thuộc Tỉnh ủy;

Xét đề nghị của Văn phòng Tỉnh ủy tại Tờ trình số 253-TTr/VPTU, ngày 14/01/2025 về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2025 của Khối Đảng tỉnh,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2025 của Khối Đảng tỉnh (theo Biểu số 1 đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Trưởng các Ban đảng Tỉnh ủy, Bí thư Đảng ủy Khối cơ quan, doanh nghiệp tỉnh, Tổng Biên tập Báo Phú Yên và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy,
- Như Điều 3,
- Sở Tài chính,
- Lưu VPTU.



Cao Thị Hòa An

TỈNH ỦY PHÚ YÊN
Chương 509



**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 1501 -QĐ/TU, ngày 14/01/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy).

Đơn vị tính: Triệu đồng

SỐ TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bố	Tiết kiệm 10% thực hiện CCTL	Phân bổ các đơn vị (đã trừ tiết kiệm 10% thực hiện CCTL)								
					VĂN PHÒNG TỈNH ỦY	BAN TỔ CHỨC TỈNH ỦY	UBKT TỈNH ỦY	BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY	BAN DÂN VẬN TỈNH ỦY	BAN NỘI CHÍNH TỈNH ỦY	ĐẢNG ỦY KHỐI CQDN TỈNH	TÒA SOẠN BÁO PHÚ YÊN	NGÂN SÁCH ĐẢNG
I	Tổng số thu tại đơn vị	117.521	117.521	3.550	31.623	22.341	8.099	11.164	5.264	5.965	9.104	17.659	3.360
1	Thu đảng phí được cân đối chi hoạt động	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Thu từ hoạt động sự nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Thu khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Kinh phí ngân sách NN cấp theo dự toán	117.521	117.521	3.550	31.623	22.341	8.099	11.164	5.264	5.965	9.104	17.659	3.360
4.1	Kinh phí quản lý hành chính	98.775	98.775	3.460	31.623	21.277	8.099	11.164	5.264	5.965	9.104	-	3.360
4.1.1	Kinh phí phân bổ theo định mức	46.841	46.841	541	11.525	7.742	7.167	6.549	4.367	4.647	4.844	-	-
4.1.2	Kinh phí bổ sung nhiệm vụ	51.934	51.934	2.919	20.098	13.535	932	4.615	897	1.318	4.260	-	3.360
4.2	Kinh phí sự nghiệp văn hóa thông tin	17.682	17.682	90	-	-	-	-	-	-	-	17.659	-
4.2.1	Kinh phí phân bổ theo định mức	7.716	7.716	67	-	-	-	-	-	-	-	7.716	-
4.2.2	Kinh phí bổ sung nhiệm vụ	9.966	9.966	23	-	-	-	-	-	-	-	9.943	-
4.3	Kinh phí khác	1.064	1.064	-	-	1.064	-	-	-	-	-	-	-
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II	Dự toán chi ngân sách Nhà nước	117.521	117.521	3.550	31.623	22.341	8.099	11.164	5.264	5.965	9.104	17.659	3.360
1	Chi quản lý hành chính	98.775	98.775	3.460	31.623	21.277	8.099	11.164	5.264	5.965	9.104	-	3.360
1.1	Kinh phí phân bổ theo định mức	46.841	46.841	541	11.525	7.742	7.167	6.549	4.367	4.647	4.844	-	-
1.2	Kinh phí bổ sung nhiệm vụ	51.934	51.934	2.919	20.098	13.535	932	4.615	897	1.318	4.260	-	3.360
2	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	17.682	17.682	90	-	-	-	-	-	-	-	17.659	-
2.1	Kinh phí phân bổ theo định mức	7.716	7.716	67	-	-	-	-	-	-	-	7.716	-
2.2	Kinh phí bổ sung nhiệm vụ	9.966	9.966	23	-	-	-	-	-	-	-	9.943	-
3	Chi khác	1.064	1.064	-	-	1.064	-	-	-	-	-	-	-